

SỐ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG: 12/2016/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 12 năm 2016

Ngày 23-01-2017

CÔNG VĂN ĐẾN SỐ: 286

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa
khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích
phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển mục đích từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 358/TTr-STC ngày 12 tháng 10 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước và các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc thực hiện thu, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất lúa theo quy định của pháp luật.

2. Mức thu:

Mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa = 50% (x) diện tích (x) giá của loại đất trồng lúa, trong đó:

- Diện tích là phần diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang đất phi nông nghiệp ghi cụ thể trong quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước sang đất phi nông nghiệp của cơ quan có thẩm quyền;

- Giá của loại đất trồng lúa tính theo Bảng giá đất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

3. Quản lý và sử dụng

Toàn bộ tiền thu từ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nguồn kinh phí được nộp vào ngân sách tỉnh. Việc sử dụng kinh phí do cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nguồn kinh phí hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2, Điều 7, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phù hợp với điều kiện của địa phương; các nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ.

4. Các nội dung khác không quy định trong Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:

- a) Hướng dẫn việc tổ chức thu, nộp số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định.
- b) Xác định số phải thu và tổ chức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách cấp tỉnh đối với cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước được sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp gửi Sở Tài chính để xác định số phải thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với các cơ quan, tổ chức.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xác định cụ thể vị trí, diện tích, ranh giới đất chuyên trồng lúa nước được sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

b) Xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước được sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp và tổ chức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách cấp tỉnh đối với hộ gia đình, cá nhân được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước.

c) Tổ chức công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được xét duyệt theo đúng quy định.

d) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bảo vệ diện tích, chỉ giới chất lượng đất lúa nước theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được phê duyệt.

4. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước, có trách nhiệm kê khai và nộp đầy đủ số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật và quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngày kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2017.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *X*

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp; (Báo cáo)
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Viện KSND, Tòa án ND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công Báo, Báo Tuyên Quang,
- Đài PTTH tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Trưởng các phòng thuộc khối NCTH;
- Lưu VT, ĐC (Tỉnh)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Quang